|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 3**  **TRƯỜNG THCS ĐOÀN THỊ ĐIỂM**  ***­­­­­­*** | **KIỂM TRA HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2020 - 2021**  **MÔN: TOÁN – KHỐI 6**  **Thời gian làm bài: 90 phút**  *(Không kể thời gian phát đề)* | |

**Câu 1. (2,0 điểm)** Thực hiện các phép tính sau:

a) 

b) 

**Câu 2. (2,0 điểm)** Tìm *x*, biết:

a) 

b) 

**Câu 3. (1,0 điểm)**

Thay *a, b* bằng chữ số thích hợp để số ** chia hết cho cả 2;3;5; 9. Phân tích số A ra thừa số nguyên tố với *a, b* vừa tìm được.

**Câu 4. (2,0 điểm)**

Số học sinh khối 6 của một trường THCS từ 300 đến 400 học sinh. Biết rằng số học sinh đó khi xếp hàng 8; hàng 12; hàng 15 đều thừa 5 học sinh. Tính số học sinh khối 6.

**Câu 5. (1,0 điểm)**

Người ta điều tra một lớp có 40 học sinh thì thấy có 30 học sinh thích Toán, 25 học sinh thích Văn, 2 học sinh không thích cả Toán và Văn. Hỏi có bao nhiêu học sinh thích cả 2 môn Toán và Văn?

**Câu 6. (2,0 điểm)** Trên tia By lấy ba điểm C, D, E sao cho BC = 2cm, BD = 4 cm, BE =8cm

a) Tính CD

b) Chứng tỏ D là trung điểm của đoạn thẳng BE.

c) Gọi I là trung điểm của DE. Tính DI và BI.

**- Hết -**

*Học sinh không được sử dụng tài liệu.*

*Giám thị không giải thích gì thêm.*

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 3**  **TRƯỜNG THCS ĐOÀN THỊ ĐIỂM**  ***­­­­­­*** | **KIỂM TRA HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2020 - 2021**  **MÔN: TOÁN – KHỐI 6** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **Ý** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **1**  **(2,0 đ)** | **a**  **(1,0 đ)** |  | **0,5 x 2** |
| **b**  **(1,0 đ)** |  | **0,5 x 2** |
| **2**  **(2,0 đ)** | **a**  **(1,0 đ)** |  | **0,25 x 4** |
| **b**  **(1,0 đ)** |  | **0,25x4** |
| **3**  **(1,0 đ)** | **(1,0 đ)** | Vì chia hết cho 2 và 5 nên *b* = 0  Để chia hết cho 3 và 9 thì *a* = 1  Vậy số đó là 2160  Phân tích | **0,25 x 2**  **0,5** |
| **4**  **(2,0 đ)** | **(2,0 đ)** | Gọi *a* là số học sinh của trường ()  Theo đề bài ta có:  và 300 < a <400      Vậy số học sinh của trường là 365 học sinh. | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,5**  **0,5**  **0,25** |
| **5**  **(1,0đ)** | **(1,0đ)** | Tổng số học sinh thích văn và thích toán là :  30+25=55(học sinh)  Số học sinh thích cả hai môn toán và văn là :  55-(40-2)=17(học sinh) | **0,5**  **0,5** |
| **6**  **(2 đ)** | **A**  **(1,0 đ)** | Vẽ hình đúng | **0,25** |
| Điểm C nằm giữa điểm B và điểm D, ta có:  BC+ CD = BD  2 + CD = 4  CD = 4-2  CD= 2 ( cm) | **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| **B**  **(0,5 đ)** | Điểm D nằm giữa điểm B và điểm E, ta có:  BD+DE=BE  4 + DE= 8  DE= 8-4  DE=4 (cm)  Ta có:  Vậy D là trung điểm đoạn thẳng BE. | **0,25**  **0,25** |
| **C**  **(0,5 đ)** | Do I là trung điểm DE nên:    Điểm D nằm giữa điểm B và điểm I, ta có:  BD+DI=BI  4 + 2 = BI  6(cm)=BI | **0,25**  **0,25** |

**Lưu ý**: *Học sinh có cách giải khác nếu đúng thì giáo viên dựa trên thang điểm chung để chấm.*

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 3**  **TRƯỜNG THCS ĐOÀN THỊ ĐIỂM**  ***­­­­­­*** | **KIỂM TRA HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2020 - 2021**  **MÔN: TOÁN – KHỐI 6** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Cộng** | |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |  | | |
| **1. Thực hiện phép tính** | Biết cách thực hiện phép tính với số nguyên, phép toán chứa dấu giá trị tuyệt đối. | Hiểu đươc thứ tự thực hiện phép tính có lũy thừa, dấu ngoặc |  |  |  |
| *Số câu* | *1(1a)*  *1,0 (10%)* | *1(1b)*  *1,0 (10%)* |  |  | *2* |
| *Số điểm* | *2* |
| **2. Tìm x** | Hiểu cách tìm số hạng chưa biết |  | Vận dụng được thứ tự thực hiện phép tính, lũy thừa trong tìm x |  |  |
| *Số câu* | *1(2a)*  *1 (10%)* |  | *1 (2b)*  *1 (10%)* |  | *2* |
| *Số điểm* | *2* |
| **3. Dấu hiệu chia hết** | Nhận biết được dấu hiệu chia hết cho 2,3,5,9 và biết cách phân tích ra TSNT |  |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm* | 1(3a)  1 *(10%)* |  |  |  | *1*  *1* |
| **4.Ước chung và tập hợp** |  |  | Vận dụng cách viết tập hợp áp dụng bài toán thực tế. |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm* |  |  | 1 (5)  1,0 (10%) |  | *1*  *1* |
| ***4. Toán thực tế*** |  |  | Vận dụng ƯCLN và BCNN, thực hiện phép tính để giải quyết vấn đề thực tế |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm* |  |  | 1  2,0 (20%) |  | *1*  *2* |
| **5. Tính đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng** |  | Hiểu cộng đoạn thẳng | Vận dụng trung điểm của đoạn thẳng để tính độ dài đoạn thẳng | Vận dụng tính toán độ dài đoạn thẳng để chứng minh trung điểm |  |
| *Số câu*  *Số điểm* |  | *1 (6a)*  *1,0(10%)* | 1 (6c)  0,5 (5%) | 1 (6b)  0,5 (5%) | *3*  *2* |
| *Tổng số câu* | *3* | *2* | 4 | 1 | *10* |
| *Tổng số điểm* | *3,0* | *2* | 4.5 | 0,5 | *10* |
| *Tỉ lệ* | *30%* | *20%* | (45%) | (5%) | *100%* |